

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Số: 738./BVTVSG-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

- Mã chứng khoán: **SPC**
- Địa chỉ trụ sở chính: KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P.Tân Thuận Đông, Q7, TPHCM
- Điện thoại: 028.38733295 Fax: 028.38733033
- E-mail: info@spchcmc.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính soát xét Riêng 6 tháng năm 2022;
- Báo cáo tài chính soát xét Hợp nhất 6 tháng năm 2022;
- Giải trình lợi nhuận soát xét Riêng và Hợp nhất 6 tháng, giảm so với cùng kỳ;
- Giải trình lợi nhuận sau thuế soát xét Hợp nhất 6 tháng, lệch so với trước soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/8/2022 tại đường dẫn: <http://spchcmc.vn/VN/Quan-He-Co-Dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Dũng

TỔNG CÔNG TY NÔNG NGHIỆP SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 737/BVTVSG-TCKT
Vv giải trình biến động lợi nhuận sau thuế soát
xét 6 tháng năm 2022

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (mã chứng khoán SPC) giải trình **biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp soát xét 6 tháng năm 2022**:

1. Giảm quá 10% so với cùng kỳ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng Năm 2022	6 tháng Năm 2021	Chênh lệch giữa năm 2022 so với năm 2021	
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)
1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH SOÁT XÉT RIÊNG				
Lợi nhuận gộp	75,725,387,144	72,895,680,052	2,829,707,092	4%
Chi phí tài chính	19,946,271,202	10,534,357,820	9,411,913,382	89%
Chi phí bán hàng	43,578,245,762	37,614,560,124	5,963,685,638	16%
Lợi nhuận khác	546,815,187	1,927,884,205	-1,381,069,018	-72%
Lợi nhuận trước thuế	5,685,146,752	16,608,274,008	-10,923,127,256	-66%
Lợi nhuận sau thuế	4,548,117,402	13,129,040,101	-8,580,922,699	-65%
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH SOÁT XÉT HỢP NHẤT				
Lợi nhuận gộp	113,182,166,994	104,340,908,007	8,841,258,987	8%
Chi phí tài chính	38,195,854,404	20,187,091,895	18,008,762,509	89%
Chi phí bán hàng	55,043,363,793	50,821,297,897	4,222,065,896	8%
Lợi nhuận khác	970,477,604	2,110,670,334	-1,140,192,730	-54%
Lợi nhuận trước thuế	10,948,033,939	22,143,865,004	-11,195,831,065	-51%
Lợi nhuận sau thuế	8,135,152,677	16,582,731,493	-8,447,578,816	-51%

Lợi nhuận sau thuế TNDN báo cáo tài chính công soát xét ty mẹ và soát xét báo cáo hợp nhất 6 tháng năm 2022 của SPC giảm so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân:

- Mặc dù lợi nhuận gộp tăng lần lượt 4% và 8% ở báo cáo công ty mẹ và hợp nhất, lý do giá bán tăng, nhưng các loại chi phí tăng cao như chi phí tài chính, chi phí bán hàng làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 65% và 51% lần lượt ở báo cáo công mẹ và hợp nhất so với cùng kỳ.
- Chi phí tài chính tăng, chủ yếu tăng do tỉ giá tăng. SPC nhập khẩu nguyên vật liệu chính để sản xuất kinh doanh, phản ánh ở nợ phải trả nhà cung cấp.
- Chi phí bán hàng tăng, chủ yếu do tăng cường chiết khấu khuyến mãi trong tình hình cạnh tranh trong ngành gay gắt.

2. Lệch quá 5% so với trước soát xét

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu (1)	Soát xét 6 tháng năm 2022 (2)	Trước soát xét 6 tháng năm 2022 (3)	Chênh lệch soát xét	
			(4)=(2)-(3)	(5)=(4)/(3)
1. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG				
Lợi nhuận gộp	75,725,387,144	97,412,448,842	-21,687,061,698	-22%
Chi phí tài chính	19,946,271,202	20,247,864,867	-301,593,665	-1%
Chi phí bán hàng	43,578,245,762	64,090,950,612	-20,512,704,850	-32%
Lợi nhuận khác	546,815,187	1,222,751,429	-675,936,242	-55%
Lợi nhuận trước thuế	5,685,146,752	5,821,890,033	-136,743,281	-2%
Lợi nhuận sau thuế	4,548,117,402	4,657,512,026	-109,394,624	-2%
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT				
Lợi nhuận gộp	113,182,166,994	133,344,509,512	-20,162,342,518	-15%
Chi phí tài chính	38,195,854,404	35,487,368,825	2,708,485,579	8%
Chi phí bán hàng	55,043,363,793	75,288,423,240	-20,245,059,447	-27%
Lợi nhuận khác	970,477,604	1,154,689,127	-184,211,523	-16%
Lợi nhuận trước thuế	10,948,033,939	13,724,674,679	-2,776,640,740	-20%
Lợi nhuận sau thuế	8,135,152,677	10,833,164,404	-2,698,011,727	-25%

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất soát xét 6 tháng năm 2022 giảm 2,6 tỉ đồng so với trước soát xét, tương ứng tỉ lệ 25%.
- Nguyên nhân do có sự chênh lệch tỷ giá khi quy đổi báo cáo ở Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn – Lào. Cụ thể là khi làm báo cáo SPC lấy theo tỷ giá BIDV tại Việt Nam là 1 KIP bằng 1,3 VNĐ, còn kiểm toán lấy theo tỷ giá Ngân hàng Lào - Việt tại Lào là 1 KIP bằng 1,6 VNĐ nên có sự chênh lệch.

Trên đây là toàn bộ nội dung giải trình của Công ty về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng năm 2022.

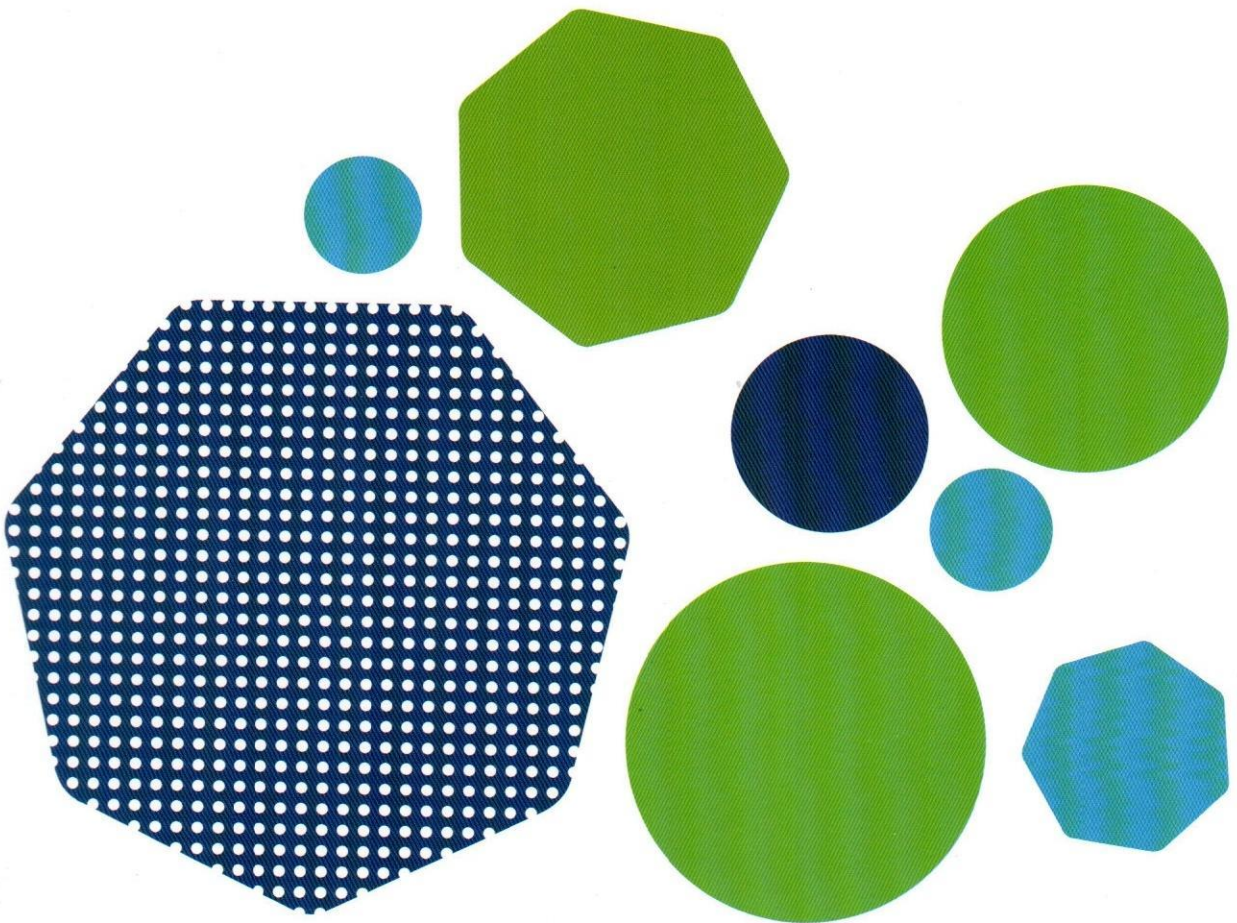
Trân trọng./.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Tháng 08 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 từ trang 07 đến trang 47.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 06 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tám ngày 11 tháng 01 năm 2017 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 105.300.000.000 đồng, tương đương 10.530.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : KP 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
- Điện thoại : 028.38733295
- Fax : 028.38733033

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và cho đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Phụng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Thành viên
Ông Đặng Thanh Cương	Thành viên
Ông Phạm Thiết Hoà	Thành viên
Ông Huỳnh Đức	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Đình Vũ	Trưởng ban kiểm soát
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Dũng	Giám đốc
Ông Điều Quang Trung	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và cho đến ngày lập Báo cáo này là Bà Bùi Thị Ánh Tuyết.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Dũng.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Dũng

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2022



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/08/2022, trình bày từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 24 tháng 08 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 07/03/2022. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty cũng được Công ty kiểm toán này soát xét và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 19/07/2021.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán

số: 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		553.148.446.327	500.249.623.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.312.147.305	37.814.041.943
Tiền	111		41.312.147.305	14.814.041.943
Các khoản tương đương tiền	112		17.000.000.000	23.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		207.829.811.558	153.475.334.368
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	238.844.224.705	161.972.877.821
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.569.281.780	2.519.042.615
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.798.690.769	27.167.677.656
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(38.382.385.696)	(38.184.263.724)
Hàng tồn kho	140	12	273.901.279.860	297.593.435.789
Hàng tồn kho	141	9	275.988.762.494	299.680.918.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	9	(2.087.482.634)	(2.087.482.634)
Tài sản ngắn hạn khác	150		13.105.207.604	11.366.811.386
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	645.582.470	567.227.410
Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.306.342.880	10.762.387.715
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	1.153.282.254	37.196.261
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.603.220.757	62.955.881.509
Các khoản phải thu dài hạn	210		891.767.500	889.267.500
Phải thu dài hạn khác	216	8	891.767.500	889.267.500
Tài sản cố định	220		28.869.478.110	31.774.905.706
Tài sản cố định hữu hình	221	11	23.509.311.471	25.818.898.327
- Nguyên giá	222		129.425.399.670	131.745.132.738
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105.916.088.199)	(105.926.234.411)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	2.630.930.006	3.182.191.244
- Nguyên giá	225		6.008.312.210	6.008.312.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.377.382.204)	(2.826.120.966)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.729.236.633	2.773.816.135
- Nguyên giá	228		4.317.451.250	4.317.451.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.588.214.617)	(1.543.635.115)
Tài sản dở dang dài hạn	240		470.252.335	470.252.335
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	470.252.335	470.252.335
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	15.891.391.939	15.891.391.939
Đầu tư vào công ty con	251		35.223.629.691	35.223.629.691
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.332.237.752)	(19.332.237.752)
Tài sản dài hạn khác	260		13.480.330.873	13.930.064.029
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	13.480.330.873	13.930.064.029
TỔNG TÀI SẢN	270		612.751.667.084	563.205.504.995

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30/06/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		381.466.538.029	329.450.480.861
Nợ ngắn hạn	310		373.511.786.969	319.943.191.649
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	178.871.123.285	139.607.034.366
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		459.566.960	1.598.419.694
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.146.895.710	4.441.879.761
Phải trả người lao động	314		6.932.608.696	5.600.833.290
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	288.980.791	269.253.624
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7.123.007.911	10.262.436.714
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	176.159.298.901	158.163.334.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.530.304.715	-
Nợ dài hạn	330		7.954.751.060	9.507.289.212
Phải trả dài hạn khác	337	20	2.260.554.000	2.320.554.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	5.694.197.060	7.186.735.212
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		231.285.129.055	233.755.024.134
Vốn chủ sở hữu	410	21	231.285.129.055	233.755.024.134
Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.300.000.000	105.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.300.000.000	105.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		782.715.818	782.715.818
Quỹ đầu tư phát triển	418		59.515.533.692	57.219.196.198
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		65.686.879.545	70.453.112.118
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		61.195.762.143	25.765.180.576
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.491.117.402	44.687.931.542
TỔNG NGUỒN VỐN	440		612.751.667.084	563.205.504.995

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thái Phương Trang

Bùi Thị Ánh Tuyết



Nguyễn Quốc Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	449.713.692.398	433.005.144.694
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	6.979.693.835	5.673.374.389
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		442.733.998.563	427.331.770.305
Giá vốn hàng bán	11	24	367.008.611.419	354.436.090.253
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.725.387.144	72.895.680.052
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	3.202.767.108	1.618.815.973
Chi phí tài chính	22	26	19.946.271.202	10.534.357.820
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.794.640.461	4.038.226.688
Chi phí bán hàng	25	27	43.578.245.762	37.614.560.124
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.265.305.723	11.685.188.278
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.138.331.565	14.680.389.803
Thu nhập khác	31	28	1.769.566.616	2.020.167.877
Chi phí khác	32	29	1.222.751.429	92.283.672
Lợi nhuận khác	40		546.815.187	1.927.884.205
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.685.146.752	16.608.274.008
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.137.029.350	3.479.233.907
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.548.117.402	13.129.040.101

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thái Phương Trang

Bùi Thị Ánh Tuyết



Nguyễn Quốc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	349.267.535.809	364.663.316.357
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(321.794.464.242)	(260.994.441.949)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.511.309.207)	(36.457.902.825)
Tiền lãi vay đã trả	04	(4.904.690.411)	(4.230.626.847)
Thuế TNDN đã nộp	05	(4.972.433.348)	(3.101.828.340)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	45.666.754.464	6.237.395.427
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(23.479.181.802)	(31.341.366.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.272.211.263	34.774.545.651
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(222.500.000)	(1.401.387.570)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	962.779.342	894.906.254
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	740.279.342	(506.481.316)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	210.654.010.880	153.458.196.651
Tiền trả nợ gốc vay	34	(193.692.783.629)	(176.444.983.475)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(457.800.702)	(457.800.702)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.260.809.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	16.503.426.549	(30.705.396.926)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	19.515.917.154	3.562.667.409
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.814.041.943	52.001.319.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	982.188.208	343.151.348
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	58.312.147.305	55.907.138.727

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2022

Người lập

Phùng Thái Phương Trang

Kế toán trưởng

Bùi Thị Ánh Tuyết

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0300632232 cấp lần đầu ngày 14/06/2008. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tám ngày 11/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 105.300.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 105.300.000.000 đồng; tương đương 10.530.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/06/2010, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SPC.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp;
- Mua bán hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán phân bón, thuốc thú y thuỷ sản, thuốc bảo vệ thực vật.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Chi nhánh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Văn phòng đại diện Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Văn phòng đại diện Bạc Liêu	Tỉnh Bạc Liêu	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Chi nhánh Vĩnh Long	Tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Chi nhánh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Trạm dịch vụ Bảo vệ thực vật	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)****1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng đại diện Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Chi nhánh Cần Thơ	Tp. Cần Thơ	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Chi nhánh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Chi nhánh Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Xí nghiệp Hiệp Phước	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Văn phòng đại diện An Giang	Tỉnh An Giang	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Chi nhánh Myanmar	Tp. Yangon, Myanmar	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật

Công ty có 03 Công ty con như được nêu tại mục số 15 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này (chi tiết tại mục số 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (không quá 12 tháng hay trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng doanh nghiệp không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể (ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết) đối với bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	05 - 06
Quyền sử dụng đất	50
Phần mềm quản lý	03 - 05
Bản quyền, bằng sáng chế	05

4.8 XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; quyền sử dụng đất.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí tiền thuê kho, công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá bán trong kỳ được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.14 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

4.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: Thuế suất 20%.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận, theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả.

4.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.102.109.812	422.159.491
Tiền gửi ngân hàng	38.820.824.130	11.896.906.352
Tiền đang chuyển	1.389.213.363	2.494.976.100
Các khoản tương đương tiền (*)	17.000.000.000	23.000.000.000
Cộng	58.312.147.305	37.814.041.943

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất là 3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	238.844.224.705	(37.529.038.070)	161.972.877.821	(37.331.462.098)
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	40.281.473.413	(25.247.475.153)	38.862.764.218	(25.286.247.303)
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Campuchia	75.370.162.598	-	28.486.441.515	-
- Shwe Dar Company Limited	1.278.734.272	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	2.879.364.424	-	2.044.829.044	-
- Cửa hàng Thành Y	3.060.818.625	-	3.410.474.792	-
- Đại lý Võ Hoàng Dũng	3.261.926.910	-	1.497.580.000	-
- Cửa hàng Vật tư Công nghiệp nông nghiệp Đào Công An	5.967.938.807	-	3.901.838.859	-
- Đại lý Nguyễn Thanh Hùng	3.389.393.558	(3.389.393.558)	3.389.393.558	(3.389.393.558)
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Long Huy Bảo	3.275.568.294	(3.275.568.294)	3.275.568.294	(3.275.568.294)
- Công ty TNHH Bảo vệ Thực vật Thiên An	1.310.622.033	(1.310.622.033)	1.310.622.033	(1.310.622.033)
- Phải thu khách hàng khác	98.768.221.771	(4.305.979.032)	75.793.365.508	(4.069.630.910)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	118.531.000.435	(25.247.475.153)	69.394.034.777	(25.286.247.303)
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	40.281.473.413	(25.247.475.153)	38.862.764.218	(25.286.247.303)
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Campuchia	75.370.162.598	-	28.486.441.515	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	2.879.364.424	-	2.044.829.044	-
Cộng	238.844.224.705	(37.529.038.070)	161.972.877.821	(37.331.462.098)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.569.281.780	(580.160.000)	2.519.042.615	(580.160.000)
- Close Friend Co., Ltd	419.760.000	(419.760.000)	419.760.000	(419.760.000)
- Trung tâm Nghiên cứu phân bón & Dinh dưỡng cây trồng	198.000.000	-	198.000.000	-
- Công ty TNHH Du Lịch Lửa Việt	500.150.000	-	-	-
- Quality Biz Chem India PVT Ltd	-	-	979.407.000	-
- Nanjing Bestgreen Chemical Co., Ltd	1.144.842.640	-	-	-
- Trung tâm Bảo vệ thực vật miền Trung	126.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần ERP Việt	267.775.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại xây dựng Công Liêm	136.400.000	(136.400.000)	136.400.000	(136.400.000)
- Công ty Cổ phần Kinh doanh & Xây dựng Tân Toàn Thắng	24.000.000	(24.000.000)	24.000.000	(24.000.000)
- Các nhà cung cấp khác	752.354.140	-	761.475.615	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	3.569.281.780	(580.160.000)	2.519.042.615	(580.160.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.798.690.769	(273.187.626)	27.167.677.656	(272.641.626)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	37.424.658	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	16.961.395.924	-
- Tạm ứng	1.822.736.365	-	694.406.693	-
- Ký cược, Ký quỹ	137.602.585	-	109.500.000	-
- Phải thu về Bảo hiểm xã hội	-	-	364.698.418	-
- Chiết khấu sản lượng được nhận từ Kolon	-	-	6.408.530.800	-
- Phải thu khác	1.838.351.819	(273.187.626)	2.591.721.163	(272.641.626)
Dài hạn	891.767.500	-	889.267.500	-
- Ký cược, Ký quỹ	891.767.500	-	889.267.500	-
Cộng	4.690.458.269	(273.187.626)	28.056.945.156	(272.641.626)

9. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu vật liệu	128.051.567.747	-	149.118.803.760	-
- Công cụ dụng cụ	322.050.040	-	374.668.990	-
- Thành phẩm	144.048.634.338	(2.087.482.634)	146.344.361.942	(2.087.482.634)
- Hàng hóa	3.566.510.369	-	3.843.083.731	-
Cộng	275.988.762.494	(2.087.482.634)	299.680.918.423	(2.087.482.634)



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	645.582.470	567.227.410
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	305.674.026	196.094.274
- Chi phí bảo hiểm	-	99.269.500
- Chi phí thuê kho	339.908.444	271.863.636
Dài hạn	13.480.330.873	13.930.064.029
- Chi phí thuê đất Hiệp Phước (*)	13.243.630.691	13.475.975.087
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	21.843.552
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	184.383.446	358.305.116
- Chi phí khác	52.316.736	73.940.274
Cộng	14.125.913.343	14.497.291.439

(*) Khoản chi phí thuê đất trả trước cho diện tích 42.123 m2 thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất số 80/HĐ/ĐD.05 ngày 27/06/2015 và Phụ lục hợp đồng số 09 ngày 28/07/2008 giữa Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp Tân Thuận, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCD khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2022	61.557.076.425	45.516.870.727	21.200.127.387	2.232.504.867	1.238.553.332	131.745.132.738
- Mua trong kỳ	-	312.500.000	-	-	-	312.500.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(2.041.056.692)	(320.014.381)	(167.717.570)	(103.444.425)	(2.632.233.068)
Tại 30/06/2022	61.557.076.425	43.788.314.035	20.880.113.006	2.064.787.297	1.135.108.907	129.425.399.670
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2022	(47.770.928.728)	(37.805.553.556)	(16.885.962.616)	(2.225.236.179)	(1.238.553.332)	(105.926.234.411)
- Khấu hao trong kỳ	(944.241.522)	(1.304.624.130)	(367.769.688)	(5.451.516)	-	(2.622.086.856)
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.041.056.692	320.014.381	167.717.570	103.444.425	2.632.233.068
Tại 30/06/2022	(48.715.170.250)	(37.069.120.994)	(16.933.717.923)	(2.062.970.125)	(1.135.108.907)	(105.916.088.199)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2022	13.786.147.697	7.711.317.171	4.314.164.771	7.268.688	-	25.818.898.327
Tại 30/06/2022	12.841.906.175	6.719.193.041	3.946.395.083	1.817.172	-	23.509.311.471

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 90.061.257.061 đồng.

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2022 là 25.391.779.025 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2022	6.008.312.210	6.008.312.210
- Thuê tài chính	-	-
Tại 30/06/2022	6.008.312.210	6.008.312.210
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại 01/01/2022	(2.826.120.966)	(2.826.120.966)
- Khấu hao trong kỳ	(551.261.238)	(551.261.238)
Tại 30/06/2022	(3.377.382.204)	(3.377.382.204)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2022	3.182.191.244	3.182.191.244
Tại 30/06/2022	2.630.930.006	2.630.930.006

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2022	3.213.389.900	533.175.000	570.886.350	4.317.451.250
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Tại 30/06/2022	3.213.389.900	533.175.000	570.886.350	4.317.451.250
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2022	(541.657.090)	(533.175.000)	(468.803.025)	(1.543.635.115)
- Khấu hao trong kỳ	(27.079.500)	-	(17.500.002)	(44.579.502)
Tại 30/06/2022	(568.736.590)	(533.175.000)	(486.303.027)	(1.588.214.617)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2022	2.671.732.810	-	102.083.325	2.773.816.135
Tại 30/06/2022	2.644.653.310	-	84.583.323	2.729.236.633

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2022 là 929.061.350 đồng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2022 VND	Tại 01/01/2022 VND
- Dự án kho Long An	311.866.029	311.866.029
- Dự án mở rộng kho Cần Thơ	158.386.306	158.386.306
Cộng	470.252.335	470.252.335

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2022 (VND)		Tại 01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	19.332.237.752	(19.332.237.752)	-	19.332.237.752	(19.332.237.752)
- Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Campuchia	1.895.355.000	-	1.895.355.000	1.895.355.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	13.996.036.939	-	13.996.036.939	13.996.036.939	-
Cộng	35.223.629.691	(19.332.237.752)	15.891.391.939	35.223.629.691	(19.332.237.752)

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	Lào	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Campuchia	Campuchia	100%	100%	Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Long An	61,73%	61,73%	Kinh doanh bách hóa, xăng dầu, thuốc bảo vệ thực vật

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	178.871.123.285	178.871.123.285	139.607.034.366	139.607.034.366
- Eastchem Co.,Ltd	60.115.367.714	60.115.367.714	14.988.671.390	14.988.671.390
- Kolon Global Corporation	-	-	15.428.890.400	15.428.890.400
- UPL Management	-	-	13.767.600.000	13.767.600.000
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Nam Long Phát	9.527.877.665	9.527.877.665	10.273.777.615	10.273.777.615
- Zhejiang Chemicals Import & Export Corporation	2.771.744.000	2.771.744.000	3.340.937.600	3.340.937.600
- Heranba Industries Limited	3.191.321.430	3.191.321.430	-	-
- Zhejiang Rayfull Chemicals Co.,Ltd	1.568.470.000	1.568.470.000	1.489.723.158	1.489.723.158
- Shandong Weifang Rainbow Chemical Co.,Ltd	8.893.459.000	8.893.459.000	-	-
- Jiangsu Sinamyang International Group Co.,Ltd	13.466.242.922	13.466.242.922	17.040.461.407	17.040.461.407
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	79.336.640.554	79.336.640.554	63.276.972.796	63.276.972.796
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	178.871.123.285	178.871.123.285	139.607.034.366	139.607.034.366

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	407.629.425	10.819.662.317	11.016.928.377	210.363.365
- Thuế xuất nhập khẩu	-	181.822.711	181.822.711	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.282.936.200	606.526.498	3.889.462.698	-
- Thuế nhà đất và tiền mua đất	751.314.136	1.024.670.616	-	1.775.984.752
- Thuế môn bài	-	16.000.001	16.000.001	-
- Các loại thuế khác	-	1.085.152.603	924.605.010	160.547.593
Cộng	4.441.879.761	13.733.834.746	16.028.818.797	2.146.895.710

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.082.970.650	1.082.970.650
- Thuế thu nhập cá nhân	37.196.261	298.951.635	332.066.978	70.311.604
Cộng	37.196.261	298.951.635	1.415.037.628	1.153.282.254

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Tại 01/01/2022		Trong kỳ		Tại 30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ (VND)	VND	VND	VND	trả nợ (VND)
a. Vay ngắn hạn	154.945.032.796	154.945.032.796	210.651.255.340	192.538.678.089	173.057.610.047	173.057.610.047
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (1)	11.217.386.740	11.217.386.740	42.009.844.542	24.021.922.011	29.205.309.271	29.205.309.271
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (2)	40.084.324.536	40.084.324.536	43.959.625.250	43.765.209.084	40.278.740.702	40.278.740.702
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh (3)	100.193.997.070	100.193.997.070	109.029.878.368	115.044.919.044	94.178.956.394	94.178.956.394
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (4)	2.018.174.200	2.018.174.200	11.331.291.180	6.330.717.700	7.018.747.680	7.018.747.680
- Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (5)	1.361.150.250	1.361.150.250	4.320.616.000	3.375.910.250	2.305.856.000	2.305.856.000
- Vay cá nhân (6)	70.000.000	70.000.000	-	-	70.000.000	70.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Tại 01/01/2022			Trong kỳ			Tại 30/06/2022		
	Giá trị	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng		
	VND	trả nợ (VND)		VND	VND	VND	trả nợ (VND)		
Nợ đến hạn trả	3.218.301.404	3.218.301.404		1.492.538.152	1.609.150.702	3.101.688.854	3.101.688.854		
- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	1.549.360.000	1.549.360.000		774.680.000	774.680.000	1.549.360.000	1.549.360.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	387.940.000	387.940.000		193.970.000	193.970.000	387.940.000	387.940.000		
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	365.400.000	365.400.000		182.700.000	182.700.000	365.400.000	365.400.000		
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	915.601.404	915.601.404		341.188.152	457.800.702	798.988.854	798.988.854		
Cộng	158.163.334.200	158.163.334.200		212.143.793.492	194.147.828.791	176.159.298.901	176.159.298.901		



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Tại 01/01/2022		Trong kỳ		Tại 30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ (VND)	VND	VND	VND	trả nợ (VND)
b. Vay dài hạn	8.212.515.000	8.212.515.000	-	1.151.350.000	7.061.165.000	7.061.165.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (7)	4.515.920.000	4.515.920.000	-	774.680.000	3.741.240.000	3.741.240.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (8)	1.900.045.000	1.900.045.000	-	193.970.000	1.706.075.000	1.706.075.000
- Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam (9)	1.796.550.000	1.796.550.000	-	182.700.000	1.613.850.000	1.613.850.000
c. Nợ thuế tài chính dài hạn	2.192.521.616	2.192.521.616	-	457.800.702	1.734.720.914	1.734.720.914
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (10)	2.192.521.616	2.192.521.616	-	457.800.702	1.734.720.914	1.734.720.914
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.218.301.404)	(3.218.301.404)	-	-	(3.101.688.854)	(3.101.688.854)
Cộng	7.186.735.212	7.186.735.212	-	1.609.150.702	5.694.197.060	5.694.197.060

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam

- Thỏa thuận chung về tiện ích bán sửa đổi: : Số VNM 157804 ngày 07 tháng 01 năm 2020
- Tổng hạn mức tiện ích : 7.000.000 USD và 1.350.000.000 VND; Trong đó khoản vay tài trợ nhập khẩu/ mua trong nước: 1.500.000 USD hoặc VND hoặc ngoại tệ khác tương đương;
- Mục đích vay : Tài trợ tiện ích nhập khẩu và thẻ tín dụng HSBC;
- Thời hạn vay : Theo từng khoản vay;
- Lãi suất cho vay : Theo từng khoản vay;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay : Thẻ chấp hàng tồn kho tại từng thời điểm theo hợp đồng VNM 091059/MS sửa đổi lần thứ 6 ngày 07/01/2020 và cầm cố tiền gửi theo hợp đồng cầm cố số VNM110716/DUL;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là : 29.205.309.271 VND.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

- Hợp đồng tín dụng : Số 1700-LAV-202000764 ngày 18/11/2020
- Hạn mức tín dụng : 73.000.000.000 VND;
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và các mặt hàng kinh doanh khác đã đăng ký theo quy định của pháp luật;
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ;
- Lãi suất cho vay : Theo từng giấy nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay : Thẻ chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng số 1700-LCL-201500653 ngày 25/09/2015 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 40.278.740.702 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh

- **Hợp đồng tín dụng**
 - Hạn mức tín dụng : **Số 093/2021-HĐCVHM/NHCT92 ngày 02/06/2021**
 - Mục đích vay : 150.000.000.000 VND;
 - Thời hạn vay : Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất cho vay : Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay : Theo từng giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : Theo từng giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : Theo từng giấy nhận nợ;
- Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 172/2015-HĐTC/NHCT902-SPC ngày 30/09/2015, quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 025/2014-HĐTC/KHDN ngày 07/05/2014; quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 101/2013-HĐTC/KHDN ngày 07/05/2014; thế chấp hàng tồn kho theo Hợp đồng số 256/2019-HĐBĐ/NHCT902 ngày 11/02/2020
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 94.178.956.394 VND.

(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

- **Hợp đồng cho vay hạn mức**
 - Hạn mức tín dụng : **Số 1255/2021/5778006/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2021**
 - Mục đích vay : 70.000.000.000 VND;
 - Thời hạn vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mờ L/C;
 - Lãi suất cho vay : Theo từng giấy nhận nợ;
 - Các hình thức đảm bảo tiền vay : Theo từng giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : Theo từng giấy nhận nợ;
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : Theo từng giấy nhận nợ;
- Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản - Biện pháp đảm bảo bổ sung số 969A/2020/5778006/HĐBĐ ngày 16/06/2020;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 7.018.747.680 VND.

2232
TY
HẠN
THỰC V
GÒN
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

(5) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

- Hợp đồng cho vay hạn mức
 - Hạn mức tín dụng
 - Mục đích vay
 - Thời hạn vay
 - Lãi suất cho vay
 - Hình thức đảm bảo
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ
- : Số HĐTD.010/SCB.HCM/2019 ngày 02/08/2019**
: 4.000.000 USD;
: Cung cấp tài chính cho việc mua hoặc nhập khẩu hàng hóa cần thiết cho hoạt động kinh doanh thông thường, bảo lãnh mở L/C;
: Theo từng giấy nhận nợ;
: Theo từng giấy nhận nợ;
: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp hàng tồn kho với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD và hợp đồng các khoản phải thu với giá trị ít nhất bằng 2.000.000 USD;
: 2.305.856.000 VND.

(6) Khoản vay các cá nhân có lãi suất 8,0%/năm, hình thức đảm bảo: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn

(7) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh TP Hồ Chí Minh

- Hợp đồng tín dụng
 - Hạn mức tín dụng
 - Mục đích vay
 - Thời hạn vay của hợp đồng
 - Lãi suất cho vay
 - Các hình thức bảo đảm tiền vay
 - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ
 - Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới
- : Số 1700-LAV-201701181 (kèm Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02 ngày 06/12/2018 gia hạn thời gian giải ngân vốn cho vay đến hết ngày 28/02/2019)**
: 11.700.000.000 VND;
: Xây dựng nhà kho thành phẩm 36m x 78m tại lô C1-C3, Khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
: 84 tháng;
: 8%/năm;
: Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai theo Hợp đồng số 1700-LCL-201701010 ngày 28/08/2017;
: 3.741.240.000 VND, trong đó,
: 1.549.360.000 VND.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp)

(8) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

- **Hợp đồng tín dụng**
- Số tiền vay : 793.100.000 VND;
- Mục đích vay : Đầu tư máy sắc ký khí Mode1 8890 GC System do Agilent Technologies Mỹ sản xuất;
- Thời hạn vay của hợp đồng : 60 tháng;
- Lãi suất cho vay : 7,3%/năm từ ngày 24/08/2021 đến 31/08/2022. Từ ngày 01/09/2022 theo lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay : Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 1576/2021/5778006/HĐBĐ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 674.135.000 VND, trong đó,
- Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới : 158.620.000 VND.

- **Hợp đồng tín dụng**

- Số tiền vay : 1.146.600.000 VND;
- Mục đích vay : Đầu tư 04 xe tải thùng (Thùng kín) nhãn hiệu Kia Frontier K250;
- Thời hạn vay của hợp đồng : 60 tháng;
- Lãi suất cho vay : 7,5%/năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến 31/12/2022. Từ ngày 01/01/2023 theo lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay : Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 2288/2021/5778006/HĐBĐ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 1.031.940.000 VND, trong đó,
- Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới : 229.320.000 VND.

(9) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam

- **Hợp đồng tín dụng**

- Số tiền vay : 504.000.000 VND;
- Mục đích vay : Mua xe ô tô;
- Thời hạn vay của hợp đồng : 60 tháng;
- Lãi suất cho vay : 7,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay : Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 445.200.000 VND, trong đó,
- Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới : 100.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN

Khu phố 1, Nguyễn Văn Quý, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp)

(9) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam (tiếp)

- **Hợp đồng tín dụng**
- Số tiền vay : Số 792400015546/HĐTĐ ngày 28/10/2021
- Mục đích vay : 1.323.000.000 VND;
- Thời hạn vay của hợp đồng : Mua xe ô tô;
- Lãi suất cho vay : 60 tháng;
- : 7,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay : Thẻ chấp tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ : 1.168.650.000 VND, trong đó,
- Nợ gốc đến hạn trả trong 12 tháng tới : 264.600.000 VND.

(10) Khoản thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam

- **Hợp đồng cho thuê tài chính**
- Tài sản thuê : Số 2018-00012-000 ngày 23/02/2018
- Tổng giá trị hợp đồng : Xe Ford Ranger 4x2 XLS MT;
- Thời hạn thanh toán : 3.322.350.000 VND;
- Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm cuối kỳ : Thanh toán theo lịch trả nợ; trong đó,
- Nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới : 349.837.446 VND, trong đó,
- : 349.837.446 VND.
- **Hợp đồng cho thuê tài chính**
- Tài sản thuê : Số 2020-00095-000 ngày 21/07/2020
- Tổng giá trị hợp đồng : Xe Ford Everest Ambiente 2.0L MT (1 chiếc);
- Thời hạn thanh toán : Xe Ford Ranger 4x2 XLS MT (1 chiếc);
- Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm cuối kỳ : Xe Ford Ranger 4x4 XL MT (2 chiếc).
- Nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới : 3.208.210.000 VND;
- : Thanh toán theo lịch trả nợ;
- Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm cuối kỳ : 1.384.883.468 VND, trong đó,
- Nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới : 449.151.408 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	110.049.950
Chi phí khác	288.980.791	159.203.674
Cộng	288.980.791	269.253.624

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	7.123.007.911	10.262.436.714
- Phải trả về kinh phí công đoàn	228.962.747	96.300.840
- Phải trả về Bảo hiểm xã hội	3.899.247	-
- Phải trả về chương trình bán hàng	1.795.498.483	4.023.804.131
- Phải trả về lãi vay ký quỹ	116.834.577	139.234.218
- Phải trả về hỗ trợ phí vận chuyển, thanh toán	41.819.342	26.099.177
- Phải trả chiết khấu thanh toán cho chi nhánh	156.089.616	454.073.276
- Phải trả CBCNV tiền bồi dưỡng độc hại	869.779.809	421.322.278
- Phải trả về nhận đổi hàng cho khách hàng	2.389.654.561	2.510.274.778
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.118.072.880	2.347.206.292
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	402.396.649	244.121.724
Dài hạn	2.260.554.000	2.320.554.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.260.554.000	2.320.554.000
Cộng	9.383.561.911	12.582.990.714

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị (VND)	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	59,33%	62.470.000.000	59,33%	62.470.000.000
Vốn góp các cổ đông khác	40,67%	42.830.000.000	40,67%	42.830.000.000
Cộng	100%	105.300.000.000	100%	105.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại 01/01/2021	105.300.000.000	782.715.818	49.699.146.276	60.835.598.856	216.617.460.950
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	44.845.510.647	44.845.510.647
- Chi trả cổ tức năm 2020	-	-	-	(17.901.000.000)	(17.901.000.000)
- Thù lao HĐQT & BKS	-	-	-	(269.600.000)	(269.600.000)
- Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.520.049.922	(7.520.049.922)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.520.049.922)	(7.520.049.922)
- Truy thu thuế	-	-	-	(2.017.297.541)	(2.017.297.541)
Tại 31/12/2021	105.300.000.000	782.715.818	57.219.196.198	70.453.112.118	233.755.024.134
Tại 01/01/2022	105.300.000.000	782.715.818	57.219.196.198	70.453.112.118	233.755.024.134
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	4.548.117.402	4.548.117.402
- Thù lao HĐQT & BKS	-	-	-	(129.000.000)	(129.000.000)
- Trích lập các quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	2.296.337.494	(2.296.337.494)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.889.012.481)	(6.889.012.481)
Tại 30/06/2022	105.300.000.000	782.715.818	59.515.533.692	65.686.879.545	231.285.129.055

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 10/NQ-DHĐCĐ ngày 28/04/2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

21.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	105.300.000.000	105.300.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	105.300.000.000	105.300.000.000
Cổ tức đã chia	-	(7.260.809.400)
Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu	-	-

21.4 CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 Cổ phiếu	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105.300.000.000	105.300.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + <i>Cổ phiếu thường</i>	105.300.000.000 105.300.000.000	105.300.000.000 105.300.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu thường</i>	105.300.000.000 105.300.000.000	105.300.000.000 105.300.000.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 30/06/2022		Tại 01/01/2022	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	17.355.063.842	750.554,16	1.731.747.479	76.419,73
Kíp Lào (LAK)	1.378.443.938	1.060.341.490,77	-	-
Kyat (MMK)	149.275.802	11.875.750,00	-	-

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
a. Tổng Doanh thu	449.713.692.398	433.005.144.694
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	449.713.692.398	433.005.144.694
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	6.979.693.835	5.673.374.389
- Chiết khấu thương mại	-	3.678.542.696
- Hàng bán bị trả lại	6.585.772.184	1.988.337.503
- Giảm giá hàng bán	393.921.651	6.494.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
a. Giá vốn bán hàng hoá, thành phẩm	367.008.611.419	356.057.085.111
b. Các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.620.994.858)
Cộng	367.008.611.419	354.436.090.253

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	233.771.559	219.724.775
Cổ tức, lợi nhuận được chia	689.976.000	689.976.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.739.541.509	709.115.198
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	194.849.282	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	344.628.758	-
Cộng	3.202.767.108	1.618.815.973

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay và thuê tài chính	4.794.640.461	4.038.226.688
Chiết khấu thanh toán	10.267.384.462	5.095.233.131
Lãi nhận ký cược, ký quỹ	647.763.197	56.720.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.177.544.620	897.202.810
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	337.798.092
Chi phí tài chính khác	58.938.462	109.176.634
Cộng	19.946.271.202	10.534.357.820

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>43.578.245.762</i>	<i>37.614.560.124</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.447.566	390.934.103
Chi phí nhân công	26.675.717.828	26.443.893.767
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	330.012.914	315.656.299
Chi phí khấu hao TSCĐ	908.549.340	596.516.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.899.826.905	7.812.000.259
Chi phí bằng tiền khác	7.755.691.209	2.055.559.116



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP)

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>10.265.305.723</i>	<i>11.685.188.278</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	535.467.721	288.804.698
Chi phí nhân công	4.542.683.418	6.006.541.825
Chi phí công cụ, dụng cụ	89.859.864	89.761.727
Chi phí khấu hao TSCĐ	205.088.760	414.045.420
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	198.121.972	(19.362.745)
Thuế, phí, và lệ phí	237.089.698	276.097.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.948.362.636	1.882.520.567
Chi phí bằng tiền khác	2.508.631.654	2.746.779.042

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu nhập từ chiết khấu thương mại	50.951.926	195.031.650
Thu nhập từ bán phế liệu	56.548.534	46.669.999
Thu nhập từ bán phuy	370.551.892	621.454.546
Thu nhập cho thuê kho, mặt bằng	1.099.360.199	1.046.101.456
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	30.000.000	110.910.226
Thanh lý tài sản cố định	123.718.181	-
Thu nhập khác	38.435.884	-
Cộng	1.769.566.616	2.020.167.877

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính về thuế	320.822.121	-
Thanh lý vật tư	901.773.512	-
Chi phí xử lý, tiêu hủy sản phẩm hư hỏng, kém phẩm chất	-	53.762.604
Các khoản bị phạt	-	2.177.104
Chi phí khác	155.796	36.343.964
Cộng	1.222.751.429	92.283.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.685.146.752	16.608.274.008
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	5.685.146.752	16.608.274.008
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	1.137.029.350	3.321.654.802
Chi phí thuế TNDN bổ sung năm 2021	-	157.579.105
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.137.029.350	3.479.233.907

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	272.430.419.519	262.938.118.886
Chi phí nhân công	39.210.560.624	40.956.220.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.217.927.596	3.209.204.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.211.037.700	13.920.648.760
Chi phí bằng tiền khác	4.041.593.023	9.922.454.410
Cộng	324.111.538.462	330.946.646.649

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Theo lĩnh vực kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

2. Theo khu vực địa lý

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng, thành phẩm	327.908.876.314	114.825.122.249	442.733.998.563
Tài sản bộ phận	518.028.574.314	94.723.092.770	612.751.667.084
Tổng chi phí mua TSCĐ	312.500.000	-	312.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào	Công ty con
Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Campuchia	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa	Công ty liên kết
Bà Lê Thị Phụng	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Điều Quang Trung	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Nguyễn Ngọc Bích	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Trần Đình Vũ	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Đặng Thanh Cường	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Huỳnh Đức	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Nhân sự quản lý chủ chốt
Bà Đỗ Thị Kim Anh	Nhân sự quản lý chủ chốt
Ông Phạm Thiết Hòa	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
1. Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào		
- Bán hàng hóa	8.036.862.160	10.352.650.365
2. Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Campuchia		
- Bán hàng hóa	108.859.068.872	107.560.302.427
3. Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa		
- Bán hàng hóa	4.117.086.049	10.657.432.943
- Mua hàng hóa	19.640.000	1.336.445.600
- Nhận cổ tức	689.976.000	689.976.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 30/06/2022	Tại 01/01/2022
	VND	VND
1. Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Lào		
- Phải thu khách hàng	40.281.473.413	38.862.764.218
2. Công ty TNHH Bảo vệ thực vật Sài Gòn - Campuchia		
- Phải thu khách hàng	75.370.162.598	28.486.441.515
- Phải thu khác	-	16.961.395.924
3. Công ty Cổ phần Thương mại Mộc Hóa		
- Phải thu khách hàng	2.879.364.424	2.044.829.044
- Phải trả khác	149.466.731	96.680.000
- Chi phí phải trả	-	159.203.674
- Phải trả người bán	-	30.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Bà Lê Thị Phụng	199.630.297	210.513.639
- Ông Nguyễn Quốc Dũng	254.364.048	248.238.745
- Ông Điều Quang Trung	182.033.023	200.489.324
- Bà Nguyễn Ngọc Bích	181.924.897	200.472.839
- Ông Đặng Thanh Cương	33.000.000	22.000.000
- Ông Huỳnh Đức	32.000.000	22.000.000
- Ông Phạm Thiết Hòa	40.000.000	22.000.000
Cộng	922.952.265	925.714.547

34. THÔNG TIN KHÁC

34.1 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty có ký Hợp đồng thuê đất tại các địa điểm sau:

- Hợp đồng thuê đất tại phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho hàng và trạm xử lý chất thải. Diện tích khu đất thuê là 16.754 m². Đối với diện tích 15.496 m² không thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 đến ngày 01/01/2046; đối với diện tích 1.258 m² thuộc phạm vi lô giới, thời hạn thuê kể từ ngày 25/07/2000 cho đến khi Nhà nước thực hiện mở rộng đường theo quy hoạch. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Pleiku để sử dụng với mục đích xây dựng Trung tâm điều hành siêu thị nông nghiệp với thời hạn 50 năm kể từ ngày 24/11/2015. Diện tích khu đất thuê là 10.690 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất một hoặc hai lần mỗi năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất tại thành phố Cần Thơ để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng phân phối nông dược với thời hạn thuê kể từ ngày 01/01/2006 đến hết ngày 01/10/2045. Diện tích khu đất thuê là 3.640,5 m². Theo hợp đồng này, Công ty trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Hợp đồng thuê đất Hiệp Phước với diện tích 42.123 m² thuộc lô C1 - C2 tại Khu Công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê là 44 năm tính từ ngày 27 tháng 6 năm 2005. Tiền thuê đất trả trước một lần vào thời điểm thuê.

34.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo.

34.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Công ty ghi nhận chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm 2021 với số tiền là 157.579.105 đồng và truy thu thuế theo Quyết định số 1169/QĐ-CT ngày 23/05/2022 về việc xử phạt vi phạm hành chính cho kỳ tính thuế năm 2019, 2020 với tổng số tiền truy thu thuế Giá trị gia tăng là 293.480.394 đồng và thuế Thu nhập doanh nghiệp là 530.502.852 đồng. Theo đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính riêng năm 2019, 2020 và năm 2021, ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng tại ngày 31/12/2021 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng	Mã số	Số kiểm toán	Ảnh hưởng điều chỉnh hồi tố	Tại 31/12/2021
				Sau điều chỉnh
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.460.317.410	981.562.351	4.441.879.761
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	71.434.674.469	(981.562.351)	70.453.112.118
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	26.589.163.822	(823.983.246)	25.765.180.576
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	44.845.510.647	(157.579.105)	44.687.931.542

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	Mã số	Số kiểm toán	Ảnh hưởng điều chỉnh hồi tố	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
				Sau điều chỉnh
Chi phí thuế TNDN hiện	51	3.321.654.802	157.579.105	3.479.233.907
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	13.286.619.206	(157.579.105)	13.129.040.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét. Một số chỉ tiêu so sánh đã được điều chỉnh hồi tố như được nêu ở mục 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2022

Người lập



Phùng Thái Phương Trang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ánh Tuyết

Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng



